

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 731/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 22-10-2018

V/v “Tranh chấp ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Huỳnh Trúc.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Mai Văn Bé.

2. Bà Phan Thị Quý.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mai Thanh, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Bà Lương Thị Trà My – Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 10 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 437/2018/TB-TLVA ngày 26 tháng 6 năm 2018 về “tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 183A/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 10 năm 2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Phạm Thị Cẩm D, sinh năm 1996

Địa chỉ: ấp TH, xã TCN, huyện CT, tỉnh Tiền Giang.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Tấn V, sinh năm 1994

Địa chỉ: ấp TB, xã TCN, huyện CT, tỉnh Tiền Giang.

(chị D có mặt, anh V có đơn xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Trong đơn khởi kiện và bản khai ngày 12 tháng 6 năm 2018 cũng như trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Phạm Thị Cẩm D trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Tấn V tổ chức lễ cưới và tự nguyện chung sống từ năm 2012, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TCN, huyện CT, tỉnh

Tiền Giang vào ngày 11/9/2014. Anh chị chung sống hạnh phúc đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn do anh V thay đổi tính tình không chí thú làm ăn, thường xuyên uống rượu nên vợ chồng thường xảy ra cãi vã khiến hôn nhân không có hạnh phúc. Do đó, chị bỏ về nhà cha mẹ ruột chị sống và sống ly thân với anh V từ tháng 5/2016 cho đến nay. Nay, chị yêu cầu Tòa án cho chị được ly hôn với anh V.

Về con chung: Chị và anh V chung sống có 01 con chung tên Phạm Ngọc Nh sinh ngày 26/4/2013. Hiện chị đang nuôi con. Khi ly hôn, chị yêu cầu được trực tiếp nuôi con, không yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: không có.

* Tại Bản khai ngày 16 tháng 8 năm 2018, bị đơn anh Nguyễn Tấn V trình bày: Anh và vợ là chị Phạm Thị Cẩm D có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TCN, huyện CT, tỉnh Tiền Giang. Vợ chồng chung sống có 01 con chung tên Phạm Ngọc Nh sinh ngày 26/4/2013. Đến khoảng tháng 4 năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn, sau đó chị D về nhà cha mẹ ruột ở từ đó cho đến nay và vợ chồng sống ly thân hơn 01 năm nay. Nay, qua yêu cầu của chị D, anh đồng ý ly hôn, anh đồng ý để chị D trực tiếp nuôi con, không tự nguyện cấp dưỡng nuôi con, tài sản và nợ chung thì không có.

* Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm tại phiên tòa như sau: Về việc kiểm sát việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là tuân thủ đúng quy định pháp luật. Về việc giải quyết vụ án: đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ đã được thẩm tra tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định vụ án:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn anh Nguyễn Tấn V có đơn đề nghị xét xử vắng mặt bị đơn tại phiên tòa, căn cứ vào Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt đương sự theo thủ tục chung.

[2] Về nội dung tranh chấp:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân:

[2.2.1] Chị Phạm Thị Cẩm D và anh Nguyễn Tấn V tự nguyện chung sống vào năm 2014, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã TCN, huyện CT, tỉnh Tiền Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn số 112 quyển số 01/2014 ngày 11/9/2014. Như vậy, chị D và anh V có đủ điều kiện kết hôn, tự nguyện chung sống với nhau và đã thực hiện việc đăng ký kết hôn theo quy định, căn cứ vào các Điều 9 và 11 của

Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000, quan hệ hôn nhân giữa chị Phạm Thị Cẩm D và anh Nguyễn Tấn V là hợp pháp.

[2.2.2] Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị D và anh V trình bày thống nhất với nhau như sau: Chị D và anh V chung sống hạnh phúc đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn trầm trọng vợ chồng thường xuyên cãi vã khiến hôn nhân không còn hạnh phúc. Đến tháng 5/2016, chị D bỏ về nhà cha mẹ ruột của chị D sống và sống ly thân với anh V luôn từ đó đến nay. Lời trình bày của các đương sự là phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Do đó, căn cứ vào Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử công nhận những tình tiết các đương sự trình bày nêu trên là sự thật. Xét thấy, chị D và anh V đã vi phạm nghĩa vụ vợ chồng được quy định tại Điều 19 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, chị D và anh V không còn thương yêu, quan tâm, chia sẻ, chăm sóc, giúp đỡ nhau và sống chung với nhau nên quan hệ hôn nhân giữa chị D và anh V đã lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài, cả hai cùng thống nhất thuận tình ly hôn. Do vậy, căn cứ Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị D.

[2.2] Về con chung: Chị Phạm Thị Cẩm D và anh Nguyễn Tấn V thống nhất có một con chung tên Phạm Ngọc Nh sinh ngày 26/4/2013, hiện cháu Nh đang sống chung với chị D. Chị D yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nh được anh V đồng ý. Xét thấy, trong thời gian chị D và anh V sống ly thân, chị D là người trực tiếp chăm lo sinh hoạt cho cháu Nh. Do đó, để đảm bảo sự ổn định trong sinh hoạt, học tập và phát triển bình thường của cháu Nh, yêu cầu của chị D được trực tiếp nuôi dưỡng con chung là phù hợp quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con: Như nhận định trên, chị D là người được trực tiếp nuôi dưỡng con chung có đủ điều kiện nuôi con và không yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi con, anh V cũng không tự nguyện cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử ghi nhận anh V không phải cấp dưỡng nuôi con.

[2.4] Về tài sản chung và nợ chung: các đương sự thống nhất không có tài sản chung nên Hội đồng xét xử ghi nhận tài sản chung không có.

[3] Xét ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với nhận định trên nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, chị Phạm Thị Cẩm D phải chịu án phí sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 147 và 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 56, 81, 82, 116 và 131 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Phạm Thị Cẩm D.

- Về quan hệ hôn nhân: chị Phạm Thị Cẩm D được ly hôn với anh Nguyễn Tấn V.

- Về con chung: Giao con chung tên Phạm Ngọc Nh sinh ngày 26/4/2013 cho chị Phạm Thị Cẩm D trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Nguyễn Tấn V không phải cấp dưỡng nuôi con. Anh Nguyễn Tấn V có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

- Về quan hệ tài sản chung: không có.

2. Về án phí sơ thẩm: Chị Phạm Thị Cẩm D phải chịu 300.000đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Chị Phạm Thị Cẩm D đã nộp 300.000đồng tiền tạm ứng án phí theo Biên lai thu số 0008488 ngày 25/6/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, Tiền Giang nên xem như nộp xong án phí.

3. Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày tính kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh TG;
- VKSND HCT;
- THADS HCT;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)**

Nguyễn Huỳnh Trúc